CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/Interbos/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực Phẩm và Đồ Uống Quốc Tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 023213727552 Fax: 023213727558

Mã số doanh nghiệp:0900276586 – Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 20/10/2025 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp

Số Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018 cấp bởi trung tâm chứng nhận phù hợp – QUACERT – Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA DƯA HẤU HÖFF.

2. Thành phần: Sữa (81%) (nước, sữa tươi, sữa bột, chất béo sữa), đường, dưa hấu cô đặc (40 g/kg), chất ổn định (1422, 466, 406, 410), dầu ô-liu, calci phosphat, hương liệu tự nhiên dùng cho thực phẩm, chất xơ, chất điều chỉnh độ axit (270), màu tự nhiên (120), kẽm lactat, vitamin nhóm B (B3, B6, B1), men S.Thermophilus và L.Bulgaricus.

- Sản phẩm có chứa sữa.
- Thực phẩm bổ sung.

* **Thông tin dinh dưỡng**: theo nhãn đính kèm.

- Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn và không vượt quá ngưỡng dung nạp tối đa theo thông tư số 43/2014/TT-BYT.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng: xem trên nắp sản phẩm.
- Ngày sản xuất: 08 tháng trước Hạn sử dụng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

+ Khối lượng tịnh: 55 g – đối với đóng gói một hộp

+ Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g) – Đối với đóng gói một vỉ

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE/EVOH/PS đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN số 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cở sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi: Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn và màng nắp sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN số 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men

TCCS số 01:2026/ITB – Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm Sữa chua dưa hấu Höff.

Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thu Mai

M.S.D.N: 0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
H. VĂN GIANG-T. HƯNG YÊN

132mm

16mm

40mm

8 936076 550878

40mm



132mm

Interbos
Since 2007

MỚI
New

Yokids
Höff
Sữa chua Dưa hấu



Khối lượng tịnh:
220 g (4 hộp x 55 g)

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

40mm



80mm



THÔNG TIN DINH DƯỠNG
NUTRITION FACTS

Thông tin dinh dưỡng/ 100 g(*)/ Amount per 100 g(*)		%NRV(**)
Năng lượng/ Energy	113 Kcal	
Chất béo/ Fat	3.5 g	
Carbohydrat/ Carbohydrate	17.5 g	
Chất xơ/ Fiber	0.9 g	
Đường tổng số/ Total Sugars	14.3 g	
Chất đạm/ Protein	2.9 g	
Natri/ Sodium	60 mg	
Calci/ Calcium	180 mg	45 %
Kẽm/ Zinc	0.87 mg	21 %

(a). Hàm lượng các chất lớn hơn 70% giá trị ghi trên nhãn.
(b). Tính cho trẻ từ 6-11 tháng tuổi theo Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam năm 2014 của Bộ Y tế.
%NRV của các nhóm tuổi khác xem tại www.hoff.vn

Màu sắc của sản phẩm có thể bị thay đổi theo mùa vụ trái cây, tuy nhiên không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

SỮA CHUA DƯA HẤU HÖFF

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Thành phần: Sữa (81%) (nước, sữa tươi, sữa bột, chất béo sữa), đường, dưa hấu cô đặc (40 g/kg), chất ổn định (1422, 466, 406, 410), dầu ô-liu, calci phosphat, hương liệu tự nhiên dùng cho thực phẩm, chất xơ, chất điều chỉnh độ axit (270), màu tự nhiên (120), kẽm lactat, vitamin nhóm B (B3, B6, B1), men S.Thermophilus và L.Bulgaricus.
Sản phẩm có chứa sữa.

Ingredients: Milk (81%) (water, fresh milk, milk powder, anhydrous milk fat), sugar, concentrated watermelon (40 g/kg), stabilizers (1422, 466, 406, 410), olive oil, calcium phosphate, natural flavor, dietary fibers, acidulant (270), natural color (120), Zinc L-lactate, premix vitamin B (B3, B6, B1), S.Thermophilus and L.Bulgaricus.
Contains: Milk.

- HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG:
- **Bảo quản:** Nhiệt độ 4°C - 18°C.
- HSD: xem trên nắp sản phẩm.
- NSX: 08 tháng trước HSD.
- Sử dụng ngay sau khi mở nắp.
- **Đối tượng sử dụng:** Trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên.
- **Khuyến nghị sử dụng:** Trẻ em từ 6 - 11 tháng: sử dụng 1/2 - 1 cốc mỗi ngày. Trẻ em từ 1 tuổi trở lên: sử dụng 1 - 2 cốc mỗi ngày.
- **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng, hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
  Không sử dụng cho người mẫn cảm với thành phần của sản phẩm.

Sản xuất bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Địa chỉ: Cụm công nghiệp xách, xã Vĩnh Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Made by: INTERNATIONAL FOOD AND BEVERAGE JSC
Add: Clean Industrial Zone, Van Giang commune, Hung Yen province, Vietnam.
Sản xuất theo TCCS 01:2026/ITB. *Xuất xứ: Việt Nam. Made in Vietnam.
Hotline: 1800 599983 - Website: www.hoff.vn

132mm

65

65

65

65

130

130

Interbos
Since 2007

Höff

yokids

Sữa chua Dưa hấu

MỚI
New

BỔ SUNG KẼM
CHẤT XƠ · CANXI

Khối lượng tịnh: 55 g

8 936076 550878

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : X4GD2512220566-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00257509

Mã số EoI : 005-32410-630490
Tên mẫu : Sữa chua Dưa hấu Höff
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 22/12/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 06/01/2026
Thời gian thử nghiệm : 22/12/2025 - 07/01/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW041 VW (a) *Listeria monocytogenes*	cfu/ g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VW017 VW (a) *Enterobacteriaceae*	cfu/ g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.81
4	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	3.43
5	VW066 VW (a) Protein	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	2.56
6	VW04K VW (a) pH value		N79-R-RD1-TP-9758 (Tham khảo TCVN 4835:2002)	4.71
7	VW07W VW (a) Tro Tổng	%	N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Tham khảo AOAC 923.03)	0.87
8	VW083 VW (a) Độ ẩm	%	N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Tham khảo ISO 1573:1980)	74.7
9	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	17.65
10	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	15.4
11	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.03
12	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
13	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	3.94
14	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.0
16	VD886 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	11.3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00257509

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD2FE VD (a) **Spiramycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	**Không phát hiện (LOD=5)**
18	VD020 VD (a) **Melamine**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	**Không phát hiện (LOD=0.05)**
19	VW01R VW (a) **Aflatoxin M1**	µg/ kg	ISO 14501:2021	**Không phát hiện (LOD=0.008)**
20	VD4A2 VD (a) **Aldrin và dieldrin (Tổng)**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
21	VD38J VD (a) **Benzylpenicillin / Procaine benzylpenicillin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện (LOD=2)**
22	VDD5M VD (m) **Canxi (Ca)**	mg/ 100 g	AOAC 2011.14	**173**
23	VD38I VD (a) **Chlortetracycline/Oxytetracycline/Tetracycline**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện (LOD=20)**
24	VD4A1 VD (a) **Cyfluthrin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
25	VD3A5 VD (a) **DDT**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
26	VD3A7 VD (a) **Endosulfan**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
27	VD2NT VD (a) **Dư lượng Gentamycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11544 (2020) (Ref. EuroProxima Gentamycin Art. No.: 5111GEN)	**Không phát hiện (LOD=10)**
28	VWL74 VW **Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)**	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	**113**
29	VDTTY VD (m) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	AOAC 2011.14	**57.3**
30	VDG3K VD (a) **Dư lượng Streptomycin / Dihydrostreptomycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11543 (2020) (Ref.RIDASCREEN® Streptomycin Art. No. R3104)	**Không phát hiện (LOD=5)**
31	VW072 VW (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.017)**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 11/01/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/01/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM SỮA CHUA DƯA HẤU HÖFF

1. Thông tin chung tiêu chuẩn cơ sở

- Tên sản phẩm: **Sữa chua dưa hấu Höff.**
- Mã hiệu tiêu chuẩn: **TCCS 01:2026/ITB**

2. Các chỉ tiêu cảm quan: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu		Phương pháp kiểm tra
		Lớp trên	Lớp dưới	
1	Trạng thái	Dạng sệt, đồng nhất		Quan sát
2	Màu sắc	Màu hồng	Màu trắng sữa	
3	Mùi	Hương dưa hấu đặc trưng		Ngửi
4	Vị	Chua ngọt hài hòa, không có vị lạ		Nếm

3. Các chỉ tiêu hóa lý: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố
1	pH	4,0 – 5,5

4. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị dinh dưỡng trung bình(*)
1	Năng lượng, Kcal/100 g	113
2	Chất béo, g/100 g	3,5
3	Carbohydrat, g/100 g	17,5
4	Chất xơ, g/100 g	0,9
5	Đường tổng số, g/100 g	14,3
6	Chất đạm, g/100 g	2,9
7	Natri, mg/100 g	60
8	Calci, mg/100 g	180
9	Kẽm, mg/100 g	0,87

(*) Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

5. Chỉ tiêu kim loại nặng: phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Chì (Pb)	0,02

6. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa µg/kg
1	Aflatoxin M1	0,5

7. Chỉ tiêu Melamin: phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Melamin	2,5

8. Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa µg/kg
1	Benzylpenicillin/ Procain benzylpenicillin	4
2	Clortetracyclin/ Oxytetracyclin/ Tetracyclin	100
3	Dihydrostreptomycin/ Streptomycin	200
4	Gentamicin	200
5	Spiramycin	200

9. Các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Endosulfan	0,01
2	Aldrin và dieldrin	0,006
3	Cyfluthrin	0,04
4	DDT	0,02

10. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa CFU/g
1	L. monocytogenes	100
2	Enterobacteriaceae	1